

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ (Đợt 02)  
Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng  
Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước  
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai số ngày 01/7/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 02) dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB thực hiện dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;*

*Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 12/TTr-HĐBTGPMB ngày 21/10/2022 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng ngày 21/10/2022 thông qua Phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết đợt 02- điều chỉnh, bổ sung).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 02) để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB điều chỉnh, bổ sung: **2.272.009.906 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm lẻ chín nghìn, chín trăm lẻ sáu đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.227.604.780 đồng, bao gồm:

- Đã phê duyệt theo Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 10/12/2021: 2.018.414.780 đồng;

- Phần điều chỉnh, bổ sung (tăng): 209.190.000 đồng.

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 40.368.296 đồng (Theo Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh).

c) Chi phí dự phòng cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất: 4.036.830 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 và 03 kèm theo Quyết định này)*

2. Nguồn vốn chi trả: Ngân sách tỉnh.

3. Nội dung chi tiết: Chi tiết theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (đợt 02) điều chỉnh, bổ sung, kèm theo Tờ trình số 12/TTr-HĐBTGPMB ngày 21/10/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10, K16

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục 01:**  
**TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ**  
**CHI PHÍ PHỤC VỤ GPMB (ĐỢT 02) ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**  
**Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng**  
**Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**  
**Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2022 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: Đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Theo Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 10/12/2021</b>	<b>Điều chỉnh, bổ sung</b>	<b>Giá trị hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung</b>
<b>a</b>	<b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ</b>	<b>2.018.414.780</b>	<b>209.190.000</b>	<b>2.227.604.780</b>
	- Đất các loại	642.302.880	190.690.000	832.992.880
	- Cây trồng các loại	31.860.500	-	31.860.500
	- Nhà các loại	950.480.970	-	950.480.970
	- Vật kiến trúc	279.292.230	-	279.292.230
	- Mồ mả	56.978.200	-	56.978.200
	- HT khác và thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	57.500.000	18.500.000	76.000.000
<b>b</b>	<b>Chi phí phục vụ bồi thường, hỗ trợ: (a) x 2%</b>	<b>40.368.296</b>	-	<b>40.368.296</b>
<b>c</b>	<b>Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: (b) x 10%</b>	-	<b>4.036.830</b>	<b>4.036.830</b>
	<b>Tổng cộng (a)+(b)+(c):</b>	<b>2.058.783.076</b>	<b>213.226.830</b>	<b>2.272.009.906</b>

**Phụ lục 02:**  
**TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB (ĐỢT 02)**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

**Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng**  
**Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**  
**Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày /10/2022 của UBND tỉnh)*

*DVT: đồng*

<b>T T</b>	<b>Họ, tên chủ hộ</b>	<b>Bồi thường, hỗ trợ về đất</b>	<b>Bồi thường về cây trồng</b>	<b>Bồi thường về nhà</b>	<b>Bồi thường về vật kiến trúc</b>	<b>Bồi thường mồ mả</b>	<b>Hỗ trợ khác và thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Văn Đậm (chồng); Lê Thị Mực (vợ)	190.963.000	4.053.000	59.462.000	165.811.394		23.500.000	<b>443.789.394</b>	
2	Nguyễn Văn Quân (chồng); Nguyễn Thị Non (vợ)	376.680.000	1.968.000	45.412.380	306.726.403		29.000.000	<b>759.786.783</b>	
3	Nguyễn Văn Sương (chồng); Lê Thị Thu Oanh (vợ)	252.324.000	1.124.800	86.187.650	477.943.173		23.500.000	<b>841.079.623</b>	
4	Võ Văn Cần	13.025.880	3.863.000	24.912.800		17.040.000		<b>58.841.680</b>	Giá trị không thay đổi vị hộ không bồi thường về đất ở
5	Nguyễn Thị Lên		6.221.700					<b>6.221.700</b>	
6	Trần Như Ý		13.448.000	63.317.400				<b>76.765.400</b>	
7	Võ Đình Quý					39.938.200		<b>39.938.200</b>	
8	Võ Minh Thế		1.182.000					<b>1.182.000</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>832.992.880</b>	<b>31.860.500</b>	<b>279.292.230</b>	<b>950.480.970</b>	<b>56.978.200</b>	<b>76.000.000</b>	<b>2.227.604.780</b>	
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>							<b>2.227.604.780</b>	
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB</b>							<b>40.368.296</b>	
<b>C</b>	<b>KINH PHÍ DỰ PHÒNG CƯỜNG CHẾ THU HỒI ĐẤT (10%B)</b>							<b>4.036.296</b>	
<b>D</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB</b>							<b>2.272.099.906</b>	

**Phụ lục 03:**  
**DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT (ĐỢT 02)**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

**Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng**  
**Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**

**Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2022 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: đồng*

<b>T T</b>	<b>Họ, tên chủ hộ</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Theo Quyết định số 4925/QĐ- UBND ngày 10/12/2021</b>	<b>Điều chỉnh, bổ sung</b>	<b>Chênh lệch tăng</b>
1	Nguyễn Văn Đậm (chồng); Lê Thị Mực (vợ)	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	380.879.394	443.789.394	62.910.000
2	Nguyễn Văn Quân (chồng); Nguyễn Thị Non (vợ)	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	672.186.783	759.786.783	87.600.000
3	Nguyễn Văn Sương (chồng); Lê Thị Thu Oanh (vợ)	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	782.399.623	841.079.623	58.680.000
4	Võ Văn Càn	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	58.841.680	58.841.680	0
5	Nguyễn Thị Lên	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	6.221.700	6.221.700	0
6	Trần Như Ý	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	76.765.400	76.765.400	0
7	Võ Đình Quý	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	39.938.200	39.938.200	0
8	Võ Minh Thế	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	1.182.000	1.182.000	0
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.018.414.780</b>	<b>2.227.604.780</b>	<b>209.190.000</b>